

Số: 688/BC-UBND

Đắk Nông, ngày 23 tháng 10 năm 2023



BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình các nội dung liên quan Dự thảo Nghị quyết thông qua Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh khóa IV, Phiên họp thứ 38 (ngày 20/10/2023) và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (ngày 18/10/2023); Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình một số nội dung liên quan đối với Dự thảo Nghị quyết thông qua Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

1. Giải trình bổ sung về kết quả rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh

- Tại Văn bản số 7872/BKHĐT-QLQH ngày 22/9/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nêu nội dung "*Các ý kiến rà soát của thành viên Hội đồng thẩm định (gồm 19 Bộ, cơ quan ngang Bộ và 09 ủy viên phản biện) cơ bản thống nhất với hồ sơ quy hoạch tỉnh Đắk Nông đã được tiếp thu, giải trình theo báo cáo thẩm định và hoàn thiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch*".

- Có 11/28 Thành viên HĐTĐ hoàn toàn nhất trí, có 17/28 thành viên đồng ý và có ý kiến bổ sung 75 ý kiến về hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, 45 ý kiến về hoàn thiện dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Hội đồng thẩm định đã kết luận "*Quy hoạch tỉnh Đắk Nông đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện theo ý kiến góp ý trước khi trình TTCP phê duyệt*". Trên cơ sở Văn bản số 7872/BKHĐT-QLQH và hồ sơ rà soát kèm theo, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tiếp thu đầy đủ, tối đa các ý kiến góp ý. Kết quả, *tiếp thu đầy đủ 110/120 ý kiến, giải trình làm rõ 10/120 ý kiến*, hoàn thiện tối đa hồ sơ Quy hoạch tỉnh.

- Theo Khoản 1, Điều 8, Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về điều chỉnh quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hội đồng thẩm định đã hoàn thành công tác thẩm định và kết thúc nhiệm vụ thẩm định hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông. Do đó, sau khi trình Thủ tướng Chính phủ hồ sơ Quy hoạch tỉnh, Thủ tướng Chính phủ phân công một số cơ quan Trung ương (Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, một số Bộ, ngành có nội dung liên quan...) tiếp tục kiểm tra, rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh, trước khi Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt. UBND tỉnh sẽ căn cứ ý kiến của các cơ quan Trung ương, tiếp tục giải trình các nội dung có liên quan để bảo vệ và ưu tiên các phương án theo đề xuất của tỉnh.

- Đồng thời với quá trình hoàn thiện quy hoạch, UBND tỉnh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo 501/BC-UBND ngày 06/10/2022 về các khó khăn, vướng mắc trong công tác lập quy hoạch tỉnh Đắk Nông liên quan đến thực hiện Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản quốc gia. Hiện nay, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 8104/VPCP-QHĐP ngày 18/10/2023 giao các Bộ liên quan có ý kiến, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Về nguồn lực thực hiện quy hoạch, UBND tỉnh đã chỉ đạo làm rõ luận chứng khả năng đáp ứng về nguồn lực trong hồ sơ quy hoạch tỉnh, theo đó khả năng đáp ứng nguồn lực từ ngân sách nhà nước chiếm khoảng 11%, nguồn lực ngoài ngân sách chiếm khoảng 89%; như vậy chủ yếu nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh đến từ huy động nguồn vốn ngoài ngân sách, trong đó đóng vai trò chủ yếu là các dự án đầu tư quy mô lớn về hạ tầng giao thông, khai thác bô xít, chế biến alumin, luyện nhôm, năng lượng tái tạo... theo các quy hoạch quốc gia đã được Trung ương phê duyệt. Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh theo quy định, trong đó phân kỳ đầu tư, đề ra giải pháp, lộ trình cụ thể để thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm.

2. Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 575-KL/TU ngày 16/10/2023, UBND tỉnh đã điều chỉnh nội dung tại Tờ trình số 6181/TTr-UBND ngày 16/10/2023 (thay thế Tờ trình số 5938/TTr-UBND ngày 05/10/2023), trong đó tuân thủ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và ghi nội dung đề xuất, kiến nghị tại dự thảo Tờ trình để báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chỉ đạo cụ thể của Thường trực HĐND tỉnh tại cuộc họp ngày 20/10/2023, UBND tỉnh đã tích hợp phần kiến nghị, đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu, cơ cấu phân bổ đất đai, xử lý chồng lấn bô xít vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh để kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét. Đồng thời, đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo hướng cô đọng, rút gọn, khái quát, tập trung vào những nội dung chủ yếu, để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện sau này.

(Xin đính kèm dự thảo Nghị quyết thông qua Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

31

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Chiển

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 10 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy
hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi,
bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc
hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật
về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến
độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng
5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3198/BC-HĐTĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023
và kết quả rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn
đến năm 2050 tại Văn bản số 7872/CV-HĐTĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội
đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 6181/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của UBND
tỉnh về đề nghị Thông qua Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn*

đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

I. PHẠM VI RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh Đắk Nông bao gồm phần lãnh thổ tỉnh Đắk Nông với tổng diện tích tự nhiên 6.509,27 km². Ranh giới tọa độ địa lý từ 11⁰45' đến 12⁰50' vĩ độ Bắc và từ 107⁰13' đến 108⁰10' kinh độ Đông. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk. Phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng. Phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Bình Phước. Phía Tây Nam giáp Vương quốc Campuchia.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bám sát chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; các mục tiêu, định hướng phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; đảm bảo dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa và ổn định, đảm bảo thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng Tây Nguyên.

b) Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế khác biệt, nổi trội để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và toàn diện. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh nền kinh tế và xã hội phát triển.

c) Khai thác hiệu quả lợi thế vị trí chiến lược, phát huy vai trò cửa ngõ không gian giữa vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ, phát huy lợi thế kết nối Đông - Tây trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Tổ chức không gian phát triển hợp lý, tập trung phát triển nhanh một số địa bàn có điều kiện thuận lợi, làm động lực phát triển chung toàn tỉnh, hỗ trợ các địa bàn khó khăn; phát triển hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, phù hợp với địa hình tự nhiên.

d) Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu của sự phát triển; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và chú trọng thu hút nhân tài, nhân lực chất lượng cao. Thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, tiếp tục ổn định dân cư tự do, giảm nghèo bền vững, giảm chênh lệch về phát triển. Bảo đảm mọi người dân được chăm sóc sức khỏe, tiếp cận giáo dục, dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống, bản sắc của các dân tộc, nhất là các dân tộc bản địa.

đ) Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, trọng tâm là tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, các cảnh quan thiên nhiên, hệ thống di sản địa chất của công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông; gắn

với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan.

e) Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới, tăng cường, thắt chặt quan hệ hữu nghị với Vương quốc Campuchia, thông qua các mối liên kết chính trị, kinh tế vùng bền vững, đôi bên cùng phát triển, xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Trở thành tỉnh phát triển của vùng Tây Nguyên; kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; xã hội khá giả, mức thu nhập bình quân của người dân cao hơn bình quân chung cả nước. Phát triển bền vững, toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và bảo đảm an ninh, quốc phòng. Trở thành trung tâm về công nghiệp nhôm và sau nhôm của quốc gia; nền nông nghiệp công nghệ cao, giá trị cao; trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái của vùng. Trở thành “Tỉnh mạnh - Dân giàu - Thiên nhiên tươi đẹp - Xã hội nghĩa tình”.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Đắk Nông trở thành tỉnh phát triển khá của vùng Tây Nguyên; kết cấu hạ tầng đồng bộ; mức thu nhập bình quân của người dân cao hơn bình quân chung của vùng. Phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, xã hội, môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Trở thành cửa ngõ quan trọng kết nối giao thương giữa vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ. Trở thành trung tâm công nghiệp bô xít - alumin - nhôm của quốc gia, trung tâm năng lượng tái tạo của vùng; phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị thị trường; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, phát huy lợi thế về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa đặc trưng và công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông. Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt bình quân 9,05%/năm; GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt trên 106 triệu đồng.

+ Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng GRDP của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khoảng 26,3%; công nghiệp - xây dựng đạt khoảng 27,7%; dịch vụ đạt khoảng 40,8%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt khoảng 5,2%.

+ Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh bình quân đạt 12 - 15%/năm.

+ Tỷ lệ huy động vốn đầu tư xã hội/GRDP đạt từ 32% - 35%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%.

+ Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 50%.

- Về xã hội

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo làm việc trong nền kinh tế đạt 68%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%.

- + Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 73%.
- + Số giường bệnh/vạn dân đạt 32 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 11 bác sĩ; Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.
- + Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3%/năm, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm bình quân từ 5%/năm trở lên, theo chuẩn nghèo mới.
- + Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 90%, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn nâng cao đạt 50%.
- Về tài nguyên và môi trường
- + Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 90%.
- + Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%, chất thải rắn ở nông thôn đạt 90%.
- Về phát triển kết cấu hạ tầng
- + Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 35%.
- + Tỷ lệ nhựa hóa chung đường tỉnh đạt trên 88%.
- + Tỷ lệ bảo đảm cho diện tích canh tác cần tưới được tưới đạt 90%.
- + Tỷ lệ hộ được sử dụng điện, đảm bảo an toàn đạt 99,5%.
- Về quốc phòng, an ninh
- + Xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, hiện đại. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên tuyến biên giới; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- + Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, phát triển.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư trọng tâm, trọng điểm; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, kết nối các vùng kinh tế động lực và vùng khó khăn, hạ tầng đô thị, hạ tầng thủy lợi.
- Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và thu hút nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương.

b) Các đột phá phát triển

- Phát triển công nghiệp khai thác bô xít - chế biến alumin - luyện nhôm và năng lượng tái tạo.
- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị, theo hướng thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, phát huy lợi thế khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa đặc trưng và công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế quan trọng

a) Ngành công nghiệp

Phát triển công nghiệp bền vững theo hướng hiện đại có giá trị gia tăng cao, sản xuất, chế biến sâu, nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường. Phấn đấu chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 20%/năm. Ưu tiên phát triển công nghiệp alumin - nhôm - sau nhôm và năng lượng tái tạo; sản xuất, chế biến nông, lâm sản và các ngành có tiềm năng khác. Khai thác hiệu quả, phát huy thế mạnh khoáng sản bô xít. Tập trung đầu tư hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất bô xít - alumin - nhôm, sau nhôm; từng bước xây dựng tỉnh trở thành trung tâm công nghiệp nhôm của quốc gia. Phát triển năng lượng sạch, tái tạo, đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời theo quy hoạch quốc gia, ưu tiên phát triển các nguồn điện tự sản, tự tiêu, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường. Đầu tư, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, ưu tiên công nghệ bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản thế mạnh.

b) Ngành nông, lâm nghiệp

Phát triển nông nghiệp quy mô lớn, giá trị cao, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và an ninh nguồn nước; hình thành các vùng chuyên canh trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản tập trung, gắn liền với công nghiệp bảo quản, chế biến ứng dụng công nghệ cao và liên kết chuỗi giá trị thị trường. Phát triển các cây chủ lực theo hướng tái canh, bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý. Chăn nuôi theo phương thức nuôi công nghiệp, liên kết và vùng chăn nuôi tập trung. Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm. Phát triển nông thôn gắn với thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, nâng cao chất lượng đời sống, thu nhập cho người nông dân. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, phát triển rừng bền vững gắn với bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Xử lý các vấn đề về lấn chiếm, xâm canh đất rừng, đất lâm nghiệp và các tồn tại của các nông lâm trường, công ty lâm nghiệp của tỉnh.

c) Ngành du lịch

Phát triển du lịch, đưa Đăk Nông trở thành điểm đến hấp dẫn về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn liền với khai thác hiệu quả, phát huy các thế mạnh khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa bản địa và Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông. Tập trung quy hoạch chi tiết và thu hút đầu tư phát triển các dự án khu, điểm du lịch tiềm năng. Thu hút các tập đoàn lớn để phát triển từ 01-02 dự án trọng điểm, phát triển thành các khu du lịch cấp quốc gia, cấp vùng, tạo thành đột phá, động lực để phát triển du lịch toàn tỉnh. Phấn đấu doanh thu và lượt khách du lịch tăng bình quân trên 15%/năm.

Tập trung phát triển Khu vực Tà Đùng “Vịnh Hạ Long của Tây Nguyên” và hệ thống di sản, cảnh quan thuộc Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông, liên kết tạo thành kết nối chuỗi du lịch từ vùng Đông Nam Bộ - Đăk Nông - Tây Nguyên,

vùng Duyên hải Miền Trung - Lâm Đông - Đăk Nông - Tây Nguyên. Phát triển khu du lịch Tà Đùng từng bước trở thành khu du lịch cấp quốc gia. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, tạo các sản phẩm du lịch mới, độc đáo mang đậm bản sắc riêng. Tập trung phát triển các cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn 3-5 sao.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Thương mại và dịch vụ

Phát triển ngành thương mại và dịch vụ hiện đại, mở rộng quy mô, hạ tầng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, gắn với thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Phát triển thị trường nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển thương mại biên giới qua các cửa khẩu. Phân đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 8,5%/năm. Đẩy mạnh chuyển đổi số và thương mại điện tử, từng bước phát triển kinh tế ban đêm. Phát triển hệ thống chợ có quy mô phù hợp, thu hút, phát triển mạng lưới các siêu thị, trung tâm thương mại quy mô lớn hiện đại tại các đô thị Gia Nghĩa, Đăk Mil, Đăk R'Lấp, Cư Jút. Đầu tư hạ tầng khu vực kinh tế cửa khẩu Bu Prăng, cửa khẩu Đăk Peur.

b) Thông tin, truyền thông và chuyển đổi số

Đổi mới công tác quản lý, điều hành, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong tổng GRDP đạt khoảng 12-15%. Phát triển đa dạng các loại hình thông tin báo chí, chú trọng loại hình thông tin điện tử; tăng cường quản lý truyền thông trên nền tảng số. Xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tính gắn kết giữa hạ tầng mạng lưới, hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu, trong đó lấy nền tảng số làm giải pháp đột phá.

c) Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng, nhận chuyển giao những thành tựu của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghiệp khoáng sản, bô xít - alumin, năng lượng tái tạo, y tế và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, ứng dụng công nghệ mới vào quản lý sản xuất, kết nối cung cầu sản phẩm, nâng cao hiệu suất chế biến sản phẩm. Củng cố hiệu quả hoạt động, thu hút, thành lập các tổ chức khoa học công nghệ.

d) Giáo dục và đào tạo

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, phát triển theo hướng chuẩn hóa, tiên tiến và hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Hướng tới giáo dục thân thiện, toàn diện, chú trọng giáo dục kỹ năng, đạo đức, nhận thức pháp luật, năng lực sáng tạo cho học sinh. Phát triển hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo phù hợp với quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, tăng cường, mở rộng hợp tác, liên kết để phát triển, ưu tiên các mô hình giáo dục chất lượng cao. Phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục chuyên biệt, ưu tiên các trường dân tộc nội trú; các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, giáo dục thường xuyên, học tập cộng đồng.

đ) Nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, hình thành đội ngũ nhân lực có chất lượng theo chuẩn quốc gia, hướng tới chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, góp phần tăng năng suất lao động. Đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn, tay nghề cao, lao động ngành kỹ thuật, lao động dịch vụ và lao động công nghiệp mới, lao động là đồng bào dân tộc thiểu số. Đào tạo các ngành nghề theo nhu cầu của thị trường lao động gắn với giải quyết việc làm, đảm bảo người lao động sau học nghề có việc làm và thu nhập ổn định.

e) Y tế

Xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ đảm bảo nhân dân được chăm sóc sức khỏe toàn diện. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật, nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ. Hoàn thiện mạng lưới y tế khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và cấp cứu. Phát triển mạng lưới y tế dự phòng tuyến tỉnh, huyện và xã, phường, bảo đảm đủ năng lực dự báo, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, phát triển các bệnh viện tư nhân, nâng cao năng lực cạnh tranh về cung ứng dịch vụ y tế. Phấn đấu đến năm 2030: Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số. Phấn đấu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe. Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.

g) Văn hóa, thể thao

Xây dựng và phát triển nền văn hóa theo hướng hiện đại, đậm đà bản sắc vùng và của tỉnh Đắk Nông. Chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần của người dân; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát triển văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội; gắn kết giữa bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương với phát triển du lịch. Phát triển thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của nhân dân. Đầu tư, trang bị cơ sở vật chất và nhân lực, phát triển thể dục, thể thao trường học; phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; đầu tư, đào tạo, bồi dưỡng có chọn lọc các môn thể thao thành tích cao.

h) Giảm nghèo, an sinh xã hội

Gắn phát triển kinh tế với công tác giảm nghèo, an sinh xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững cho toàn dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công. Tăng cường công tác trợ giúp và bảo trợ xã hội, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới. Quan tâm thực hiện đầy đủ chính sách về dân tộc, tôn giáo. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới; thực hiện đồng bộ các giải pháp ổn định dân di cư tự do.

i) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Xây dựng tỉnh Đắk Nông thành khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc, có tiềm lực và sức mạnh toàn diện. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trên địa bàn tỉnh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo mô hình “**Một trung tâm - Ba cực động lực tăng trưởng - Bốn hành lang kinh tế - Bốn tiểu vùng phát triển**”.

a) Thành phố Gia Nghĩa là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ của tỉnh; là đô thị hạt nhân của tiểu vùng Nam Tây Nguyên, liên kết với vùng Đông Nam Bộ, thành phố Hồ Chí Minh.

b) Ba cực động lực tăng trưởng, gồm:

- Cực động lực trung tâm hình thành từ chuỗi đô thị Đăk R'Lấp - Gia Nghĩa - Quảng Khê, với hạt nhân trung tâm là đô thị Gia Nghĩa. Hình thành cực tăng trưởng và đầu mối kinh tế kỹ thuật và dịch vụ trung tâm của tỉnh với chức năng chính là đô thị dịch vụ, công nghiệp, du lịch.

- Cực động lực phía Bắc hình thành từ đô thị hạt nhân Ea T'ling (huyện Cư Jút) và đô thị Đăk Mâm (huyện Krông Nô) tạo thành cực tăng trưởng phía Bắc. Hình thành cực động lực có chức năng đô thị dịch vụ, du lịch và công nghiệp gắn với quần thể hang động, núi lửa và các điểm du lịch, khu công nghiệp.

- Cực động lực phía Tây Bắc hình thành từ chuỗi đô thị chạy dọc hành lang Quốc lộ 14C, với hạt nhân trung tâm là đô thị Đăk Mil và 02 đô thị Đức An (huyện Đăk Song), đô thị Đăk Búk So (huyện Tuy Đức). Hình thành cực động lực kinh tế mật biên, dọc biên giới, gắn với 2 cửa khẩu Đăk Peur và Bu Prăng.

c) Bốn trục hàng lang kinh tế, gồm:

- Trục hành lang đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14: Hành lang phát triển theo hướng Bắc - Nam, đóng vai trò huyết mạch giao thương của tỉnh với các tỉnh trung tâm vùng Tây Nguyên, các tỉnh Đông Nam Bộ, thành phố Hồ Chí Minh. Nằm trên trục hành lang có các huyện Cư Jút, Đăk Mil, Đăk Song, thành phố Gia Nghĩa, Đăk R'Lấp.

- Trục hành lang đường Quốc lộ 28: Hành lang phát triển về phía Lâm Đồng và các tỉnh Duyên hải Miền Trung, kết nối từ đô thị Gia Nghĩa đến huyện Đăk Glong và nhánh hướng lên phía Bắc, kết nối với huyện Krông Nô.

- Trục hành lang đường Quốc lộ 14C: Hành lang phát triển theo biên giới phía Tây, phát triển kinh tế mật biên, kết hợp bảo vệ an ninh quốc phòng. Trục hành lang kết nối các huyện Tuy Đức, Đăk Song, Đăk Mil, Cư Jút.

- Trục hàng lang đường Cao tốc CT02 (hình thành sau khi đầu tư hoàn thành các đoạn tuyến của dự án), về cơ bản tương tự trục đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14 nhưng với chất lượng cao hơn, trọng điểm hơn, thúc đẩy phát triển nhanh hơn.

d) Bốn tiểu vùng kinh tế - xã hội, gồm:

- Tiểu vùng trung tâm (cũng đóng vai trò là Cực động lực trung tâm), gồm thành phố Gia Nghĩa và huyện Đăk R'Lấp. Tiểu vùng phát triển công nghiệp (về thủy điện, công nghiệp bô xít - alumin - nhôm, chế biến nông sản...), du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tiểu vùng phía Bắc, gồm huyện Đăk Mil và huyện Cư Jút. Tiểu vùng phát triển công nghiệp (về năng lượng tái tạo, chế biến nông lâm sản, ...), du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và kinh tế cửa khẩu.

- Tiểu vùng phía Đông, gồm huyện Krông Nô và huyện Đắk Glong. Tiểu vùng có tiềm năng, thế mạnh phát triển du lịch (Khu vực Tà Đùng, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông...), nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp (chế biến nông, lâm sản, bột xít, năng lượng tái tạo,...).

- Tiểu vùng phía Tây, gồm huyện Đắk Song, huyện Tuy Đức. Tiểu vùng có tiềm năng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (tiêu, trồng rừng nguyên liệu, dược liệu, cây ngắn ngày, chăn nuôi,...), công nghiệp (năng lượng tái tạo, bột xít, chế biến nông, lâm sản,...) và kinh tế cửa khẩu.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Đến năm 2030, tỉnh Đắk Nông không có đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã cần phải sắp xếp theo quy định.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

a) Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng đô thị, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai; tập trung phát triển đô thị là trung tâm các vùng động lực chính của tỉnh, đặc biệt là thành phố Gia Nghĩa, gắn với hành lang phát triển Bắc - Nam của tỉnh.

b) Khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, phấn đấu đến năm 2030 có 10 đô thị, bao gồm: 01 đô thị loại II (Thành phố Gia Nghĩa), 01 đô thị loại III (Thị xã Đắk Mil), 02 đô thị loại IV (Thị xã Đắk R'Lấp, Thị xã Cư Jút), phấn đấu đạt 04 đô thị loại IV (Đắk Mâm, Đức An, Quảng Khê, Đắk Búk So) và 02 đô thị loại V (Quảng Sơn, Năm N'Jang).

c) Thành phố Gia Nghĩa là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và khoa học chuyên giao công nghệ của tỉnh. Các đô thị Đắk Mil, Đắk R'Lấp và Cư Jút là các đô thị trung tâm vùng động lực. Các đô thị (Đắk Mâm, Đức An, Quảng Khê, Đắk Búk So) đóng vai trò là trung tâm cấp huyện. Các đô thị còn lại (Quảng Sơn, Năm N'Jang...) đóng vai trò trung tâm chuyên ngành.

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

a) Phát triển khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến, dịch vụ và thương mại. Tổ chức phân bố dân cư nông thôn theo hướng văn minh, giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường sinh thái. Xây dựng hạ tầng nông thôn đồng bộ, phát triển trung tâm, thị trấn, thị tứ tạo thuận lợi sản xuất và giao thương hàng hóa.

b) Hệ thống các điểm dân cư nông thôn bố trí trên cơ sở hiện trạng phân bố dân cư, tổ chức sản xuất và tổng thể của vùng. Địa điểm xây dựng các điểm dân cư nông thôn ít tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, không thuộc khu vực tiềm ẩn nguy cơ sạt lở; thuận tiện giao thông, kết nối với các tuyến đường liên xã, liên vùng. Phù hợp truyền thống văn hóa, tập quán sinh hoạt và sản xuất của người dân. Quy hoạch các điểm dân cư kết hợp các khu sản xuất tạo thành tổng thể hoàn chỉnh, đồng bộ, đảm bảo về môi trường, ổn định và phát triển bền vững.

c) Tổ chức khu vực dân cư nông thôn, gồm 03 tính chất vùng chính như sau:

- Vùng I (dân cư vùng ven các đô thị): Phân bố dân cư theo hình thái dạng cụm, tuyến gắn với các đô thị và khu vực công nghiệp, với đặc điểm là vùng dân cư bán đô thị có khả năng đô thị hóa cao hơn các vùng nông thôn khác. Đầu tư kết cấu hạ tầng theo hướng liên kết chuỗi, đồng bộ với các đô thị.

- Vùng II (dân cư vùng sản xuất nông nghiệp): Phân bố dân cư gắn với khu vực sản xuất, trục đường giao thông thuận lợi cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với đặc điểm dân cư tập trung thành các trung tâm cụm xã, thị tứ...; Đầu tư kết cấu hạ tầng theo hướng tập trung dân cư, củng cố trung tâm xã, hình thành các trung tâm phụ trên địa bàn xã có diện tích lớn.

- Vùng III (dân cư vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn): Phân bố dân cư phân tán, rải rác, hình thành các cụm dân cư nhỏ, tạo thành buôn, bon tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, mang tính chất đặc trưng riêng của vùng miền núi Tây Nguyên. Đầu tư theo hướng tập trung ổn định dân cư, đảm bảo các cơ sở hạ tầng thiết yếu, đầu tư hạ tầng liên kết đến các trung tâm xã, cụm xã.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

a) Thu hút nguồn vốn, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp đồng bộ, phát triển hệ thống các khu công nghiệp, đóng vai trò quyết định trong chiến lược phát triển tỉnh trở thành trung tâm công nghiệp luyện nhôm của quốc gia. Nghiên cứu, sử dụng hiệu quả quỹ đất hoàn thổ sau khai thác bô xít, tạo quỹ đất quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, hướng đến xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường. Phân đấu đến năm 2030, phát triển hoàn thiện hạ tầng và thu hút đầu tư, đạt tỷ lệ lấp đầy cao đối với 03 khu công nghiệp hiện có, gồm: Tâm Thắng, Nhân Cơ, Nhân Cơ 2.

b) Sau năm 2030, khi đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định về khu công nghiệp, thành lập thêm 04 khu công nghiệp: Đắk Ru, Quảng Sơn, Đắk Song I và Đắk Song II. Phân đấu đảm bảo các điều kiện để phát triển thêm 01 Khu công nghiệp trước năm 2030.

2. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Hình thành các cụm công nghiệp theo hướng là vệ tinh cho các khu công nghiệp, di dời các cơ sở sản xuất phân tán vào các cụm công nghiệp. Phân đấu mỗi đơn vị cấp huyện thành lập 01 cụm công nghiệp, ưu tiên các vị trí phù hợp, thuận lợi, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất. Thành lập các cụm công nghiệp: Trúc Sơn, Đắk R'Lấp, Đắk Song, Đắk R'La, Gia Nghĩa, Quảng Khê, Nam Dong khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định. Nâng tổng số cụm công nghiệp trên địa bàn lên thành 11 cụm.

3. Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

Đầu tư, thu hút đầu tư phát triển các khu nghiên cứu, đào tạo trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư, phát triển Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông tại thành phố Gia Nghĩa.

4. Phương án phát triển khu du lịch

a) Thu hút, đầu tư phát triển các khu, điểm du lịch quy mô lớn, hạ tầng đồng

bộ, hấp dẫn, thu hút du khách theo định hướng du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm; đóng vai trò trung tâm phát huy tiềm năng, thế mạnh về du lịch của tỉnh.

b) Khu du lịch tiềm năng cấp quốc gia: Khu du lịch quốc gia Hồ Tà Đùng gắn với Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông. Sớm lập quy hoạch chi tiết và kêu gọi đầu tư, phân đầu sớm đạt các tiêu chí của khu du lịch tiềm năng cấp quốc gia, tiến tới trở thành khu du lịch cấp quốc gia theo quy định

c) Các khu, điểm du lịch cấp tỉnh: Thu hút đầu tư, gắn liền với công tác bảo tồn, phát triển các cảnh quan thiên nhiên, di sản địa chất, hồ, thác, rừng... đặc trưng của tỉnh trở thành các khu, điểm du lịch hấp dẫn du khách. Từng bước phát triển các khu, điểm du lịch thành các khu du lịch trọng điểm của tỉnh.

5. Phương án phát triển khu thể dục, thể thao

a) Đầu tư phát triển các khu, điểm thể dục, thể thao đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu luyện tập, thi đấu, rèn luyện thể thao chuyên nghiệp và quần chúng, sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Xây dựng Khu liên hiệp thể thao cấp tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa. Xây dựng và nâng cấp các sân vận động cấp huyện.

b) Nghiên cứu, đề xuất, ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf tại các khu du lịch, tổ hợp khách sạn, nghỉ dưỡng - thể thao khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf.

6. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Bảo tồn, tu bổ, cải tạo, phát triển các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh được công nhận trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tiếp tục phát hiện, sưu tầm, nghiên cứu, trình hồ sơ công nhận các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

7. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

a) Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Phân đầu đến năm 2030 hình thành 25 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tập trung; định hướng đến năm 2050, hình thành 35 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô diện tích trên 14.300 ha.

b) Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung: Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung quy mô trang trại an toàn sinh học, bảo vệ tốt môi trường, phân đầu đến năm 2030 xây dựng 19 vùng/khu khuyến khích phát triển cơ sở chăn nuôi tập trung với diện tích trên 4.500 ha.

8. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

a) Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, giảm nghèo bền vững trên địa bàn 46 xã thuộc khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và 143 thôn đặc biệt khó khăn.

b) Đầu tư kết nối hạ tầng giao thông đồng bộ giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với 03 vùng động lực và trung tâm đô thị, dịch vụ của 4 tiểu vùng kinh tế - xã hội. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề, phát huy hiệu quả công tác khuyến nông, từng bước nâng cao đời sống, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

c) Thực hiện và lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của trung ương

và địa phương, thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia đối với quy hoạch các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, cảng cạn, cảng hàng không.

Nghiên cứu, đề xuất, quy hoạch chi tiết, kêu gọi đầu tư khi đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đối với: Sân bay tại xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong thuộc danh sách sân bay tiềm năng; hoặc Sân bay Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp là sân bay chuyên dùng thuộc sự quản lý của Bộ Quốc phòng theo hướng phát triển thành sân bay lưỡng dụng.

b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối thuận lợi. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo 09 tuyến đường cấp tỉnh để tạo thành mạng lưới hài hòa, tăng khả năng kết nối; Đầu tư xây dựng mới 03 tuyến đường vành đai, 01 tuyến đường kết nối thành phố Gia Nghĩa (Đăk Nông) - huyện Bảo Lâm (Lâm Đồng).

- Hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn, buôn được quy hoạch và triển khai thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện. Quỹ đất xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt từ 16% - 26% so với quỹ đất xây dựng tại các đô thị.

- Phát triển hệ thống bến xe khách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và theo tiêu chuẩn, quy định của pháp luật.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

a) Nguồn điện

Tiếp tục thực hiện các dự án đã được quy hoạch trong thời kỳ trước và thực hiện quy hoạch cấp quốc gia đã phê duyệt theo quy định của pháp luật về điện lực và quy định của pháp luật về đầu tư. Nghiên cứu phát triển nguồn năng lượng tái tạo tiềm năng và triển khai thực hiện đúng quy định pháp luật. Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời tự sản tự tiêu.

b) Lưới điện 220kV - 500kV

Thực hiện quy hoạch cấp quốc gia đã phê duyệt, nghiên cứu, đề xuất phương án sớm di dời đường dây 500kV đoạn đi trong thành phố Gia Nghĩa.

c) Lưới điện 110kV

Nâng công suất và xây dựng các trạm biến áp 110kV phù hợp với phương án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ưu tiên phát triển trạm biến áp cho các khu đô thị, dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực công nghiệp chế biến nhôm - nhôm. Cải tạo và xây dựng các đường dây điện 110kV đảm bảo cung cấp điện cho các trạm biến 110kV và đảm bảo độ tin cậy vận hành lưới điện.

d) Lưới điện trung áp

Cải tạo và xây dựng mới các nhánh chính, nhánh rẽ trung thế đảm bảo cấp điện cho các khu dân cư. Phát triển lưới điện, đảm bảo cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư, đô thị, các cơ sở kinh tế - xã hội.

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Nâng cấp, xây mới hạ tầng mạng lưới bưu chính, trọng tâm chuyển đổi hạ tầng truyền thông sang hạ tầng số, phát triển thương mại điện tử và logistics; thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Khuyến khích các thành phần tham gia đầu tư xây dựng, vận hành và chia sẻ, khuyến khích sử dụng chung hạ tầng bưu chính. Xây dựng 05 trung tâm logistics của bưu chính. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến mới vào các trung tâm khai thác.

- Hạ tầng mạng cố định: Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh, ưu tiên trục Thành phố Gia Nghĩa - Đăk R'Lấp - Tuy Đức - Đăk Song - Đăk Mil - Cư Jút - Krông Nô - Đăk Glong. Phát triển hạ tầng băng rộng tới các điểm du lịch, khu công nghiệp, khu vực kinh tế cửa khẩu...; Mạng thông tin di động: Mở rộng, nâng cao chất lượng vùng phủ sóng và đa dạng dịch vụ. Phát triển mạng thông tin di động 5G: tỷ lệ dân cư được phủ sóng 5G đến năm 2030 đạt 45%-50%.

- Phân đấu đến năm 2030: Hoàn thành chuyển đổi số các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, cơ quan truyền thông đa phương tiện.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

a) Phân vùng thủy lợi

- Vùng lưu vực sông Srêpôk (Vùng I): Bao gồm phần lớn diện tích huyện Cư Jút (trừ một phần diện tích tự nhiên xã Tâm Thắng và Trúc Sơn) và một phần các xã Đăk Lao, Đăk Găn, Đức Mạnh, Thuận An, Thị trấn Đăk Mil huyện Đăk Mil.

- Vùng lưu vực sông Krông Nô (Vùng II): Bao gồm toàn bộ diện tích huyện Krông Nô, một phần diện tích tự nhiên các xã Đăk Lao, Đăk Găn, Đức Mạnh, Thuận An, Thị trấn Đăk Mil, Đăk R'La, Đăk N'Drót, Đăk Sắk, Đức Minh, Long Sơn của huyện Đăk Mil, diện tích tự nhiên xã Đăk Mol, một phần diện tích xã Thuận Hạnh huyện Đăk Song và diện tích xã Quảng Sơn, một phần diện tích xã Đăk Ha, Đăk Som, Đăk Plao, diện tích tự nhiên toàn xã Đăk R'Măng, Quảng Khê, huyện Đăk Glong.

- Vùng lưu vực sông Đồng Nai (Vùng III): Bao gồm toàn bộ diện tích các xã Đăk Song, Đăk Mol, Đăk Hòa, Trường Xuân, Đăk N'Drung và Năm N'Jang, một phần diện tích xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, phần còn lại huyện Đăk Glong, một phần diện tích xã Đăk Búk So, Đăk R'Tih, Quảng Tân, huyện Tuy Đức, toàn bộ thành phố Gia Nghĩa và một phần huyện Đăk R'Lấp.

- Vùng lưu vực sông Bé (Vùng IV): Phần diện tích còn lại của tỉnh, thuộc diện tích huyện Tuy Đức và một phần nhỏ còn lại của huyện Đăk R'Lấp.

b) Đầu tư nâng cấp, xây mới các công trình thủy lợi, nâng tổng diện tích cấp nước tưới đến năm 2030 là đạt khoảng 78.900 ha. Nâng tỷ lệ được cấp nước tưới của các công trình thủy lợi chính và công trình thủy lợi nhỏ và thủy lợi nội đồng đạt khoảng 40%. Diện tích được tưới từ các công trình thủy điện, ao, hồ nhỏ, sông suối và nguồn nước ngầm khoảng 90.000 ha. Nâng tỷ lệ diện tích được tưới đạt 90% so với diện tích yêu cầu tưới.

5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

a) Phân vùng cấp nước

- Vùng 1 vùng Gia Nghĩa, bao gồm đô thị Gia Nghĩa là đô thị hạt nhân; đô thị Đăk R'Lấp; Đô thị Quảng Khê (huyện Đăk Glong); đô thị Quảng Sơn (huyện Đăk Glong).

- Vùng 2 vùng Ea T'ling, bao gồm các đô thị Cư Jút là đô thị trung tâm và đô thị Đăk Mâm (huyện Krông Nô).

- Vùng 3 vùng phía Tây (biên giới), bao gồm các đô thị: Đăk Mil là đô thị trung tâm; đô thị Đức An (huyện Đăk Song), đô thị Nâm N'Jang (huyện Đăk Song) và đô thị Đăk Búk So (huyện Tuy Đức).

b) Công trình đầu mối cấp nước

- Duy trì hệ thống cấp nước đô thị hiện tại, ưu tiên cải tạo, nâng cấp công suất các công trình cấp nước hiện có để đảm bảo cấp nước cho các đô thị mới theo định hướng phát triển và các khu vực nông thôn lân cận. Xây dựng mới một số nhà máy nước lấy nguồn từ các sông hồ: sông Sêrêpôk, sông Krông Nô, sông Đồng Nai, hồ Thủy điện Đăk R'Tih, hồ Thủy điện Đồng Nai 3, hồ Thủy điện Đăk Rung, hồ Buôn Koup, hồ Đăk P'Lao, hồ Đăk Rô, hồ Tây, hồ Đô Ri 2, hồ Đăk R'Long, hồ Đăk Búk So.

- Đối với khu vực dân cư nông thôn: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung cho các điểm dân cư tập trung, các trung tâm xã. Sử dụng nguồn nước mặt sông, suối, hồ đập thủy lợi. Kết hợp khai thác nguồn nước ngầm vào mùa khô.

6. Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

a) Hệ thống thoát nước mặt

Hệ thống thoát nước được thiết kế theo thiết kế chảy tự nhiên, đảm bảo tiêu thoát nước, phù hợp với cao độ nền tự nhiên, hạn chế đào đắp. Hệ thống thoát nước mưa phải đảm bảo tiêu thoát nước mưa trên toàn lưu vực trong đô thị, phù hợp với địa hình. Toàn tỉnh chia làm 04 lưu vực chính thoát nước mặt ra các sông Sêrêpôk, sông Krông Nô, sông Đồng Nai, sông Đăk Huýt (nhánh sông Bé).

b) Phương án phát triển hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống trạm xử lý nước thải được xây phân tán, mỗi đô thị sẽ bố trí từ 1 - 2 lưu vực tùy vào nhu cầu. Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là hệ thống nước mặt trên địa bàn đảm bảo đủ khoảng cách và yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Đối với khu vực đô thị, tận dụng hệ thống công chung, xây dựng hệ thống nửa riêng, thu gom nước thải sẽ là công chung kết hợp công bao. Đối với khu vực quy hoạch đô thị mới, khu, cụm công nghiệp phát triển hệ thống công riêng. Các khu chức năng khác, cơ sở sản xuất, điểm tập trung dân cư tùy theo thực tế áp dụng mạng lưới riêng hoặc nửa riêng và mô hình xử lý tập trung hoặc phân tán. Đối với nước thải y tế phải được thu gom, xử lý bằng bể xử lý cục bộ trong các công trình theo quy định hiện hành trước khi xả ra hệ thống thu gom chung. Đối với cơ sở chăn nuôi tập trung có biện pháp xử lý chất thải lỏng, bảo đảm nước thải trước khi thải ra môi trường đáp ứng theo quy định.

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Xây dựng 09 điểm, khu xử lý chất thải rắn các huyện, thành phố (riêng huyện Đăk Glông xây dựng 02 khu). Trong đó, Khu xử lý xã Đăk Nĩa, thành phố Gia Nghĩa bao gồm cả xử lý chất thải thông thường cho vùng Gia Nghĩa và xử lý chất thải nguy hại cho toàn tỉnh. Nâng cấp, chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, ưu tiên công nghệ đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Chất thải được phân loại tại nguồn, thu gom thủ công kết hợp cơ giới.

b) Phương án phát triển nghĩa trang

Xây dựng 03 nhà tang lễ cấp vùng cho các vùng đô thị. Các đô thị riêng lẻ xây dựng khu nghĩa trang và nhà tang lễ riêng. Các khu dân cư có mật độ nhỏ xây dựng nghĩa trang nhân dân riêng. Các khu còn lại có mật độ dân số đông và giao thông thuận lợi sử dụng một nghĩa trang tập trung. Xây dựng chỉnh trang các cụm nghĩa trang nhân dân nhỏ, các khu đất để xây dựng đô thị di dời xây dựng khu nghĩa trang mới, đóng cửa cải tạo các khu quá gần khu dân cư.

8. Phương án phát triển phòng cháy và chữa cháy

Xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (tối thiểu 01 đội Cảnh sát PCCC và CNCH) tại trung tâm các huyện, thành phố. Bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với quy hoạch quốc gia về hạ tầng phòng cháy chữa cháy.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

- Đầu tư, phát triển mới, bổ sung, nâng cấp, cải tạo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và phát triển nguồn nhân lực cho toàn bộ các cơ sở y tế trong toàn tỉnh theo hướng nâng cao năng lực của hệ thống, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển chuyên sâu các chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu hoạt động trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư, hình thành hệ thống y tế tư nhân chất lượng cao, phục vụ nhu cầu khám, điều trị bệnh của người dân.

- Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ y tế gắn liền với các cụm dân cư nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật, đặc biệt tại các khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, phát triển hệ thống, mạng lưới trường lớp mầm non, phổ thông đồng bộ, chuẩn hoá và hiện đại hoá. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục cấp trung học phổ thông nhằm triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Khuyến khích xã hội hoá, đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập phù hợp với tình hình phát triển giáo dục, đào tạo của địa phương, đẩy nhanh phát triển hệ thống trường mầm non tư thục, phổ thông tư thục ở các địa bàn khu, cụm công nghiệp và đô thị mới. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với vùng dân tộc thiểu số, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Mở rộng, nâng cấp và xây mới các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề. Hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh trong vùng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cấp Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông đạt cơ sở đào tạo nghề chuẩn quốc gia.

- Phát triển các trung tâm giáo dục thường xuyên theo hướng hợp nhất với trung tâm dạy nghề của các huyện, xã trở thành Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề và Giới thiệu việc làm. củng cố, phát triển trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn, tăng cường về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực để các Trung tâm hoạt động, phát huy hiệu quả. Đẩy mạnh xã hội hóa thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

- Đầu tư, phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh đảm bảo về quy mô, chất lượng phục vụ các sự kiện văn hóa, thể thao lớn của tỉnh và sự kiện, giải đấu quy mô quốc gia, được chuẩn hóa và đạt theo các tiêu chí quy định.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa văn hóa, thể thao, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể thao, đáp ứng yêu cầu về hoạt động chuyên môn và đáp ứng vai trò hạ tầng văn hóa, thể thao của xã hội. Ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh.

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

Phát triển hạ tầng thương mại theo hướng kết hợp hài hòa, đồng bộ giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại và thương mại điện tử, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa, dịch vụ. Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hóa để phát triển trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của các địa phương. Thu hút, xây dựng mới các chợ truyền thống, bảo đảm mỗi phường, xã có 01 chợ. Xây dựng cụm kho ngoại quan tại khu vực kinh tế cửa khẩu Đắk Peur và cửa khẩu Bu Prăng. Đầu tư 02 trung tâm logistics tại khu vực huyện Đắk R'Lấp và huyện Đắk Mil. Xây dựng Trung tâm hội chợ, triển lãm tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa.

6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

a) Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công về trợ giúp xã hội. Từng bước hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội, bảo đảm cung cấp dịch vụ về trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia và tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế. Nâng cấp và di dời các cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp với tình hình thực tế và theo lộ trình phù hợp.

b) Nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công. Nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng phương pháp chuyên môn, kỹ thuật sâu tích hợp giữa điều dưỡng và nuôi dưỡng với chăm sóc sức khỏe, chăm sóc xã hội khác cho người có công.

c) Ưu tiên và khuyến khích nâng cấp một số cơ sở trợ giúp xã hội cả công

lập và ngoài công lập nhằm đảm bảo đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nghiện ma túy và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp. Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở xã hội cấp tỉnh.

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ hiện đại, đồng bộ, đồng thời phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao. Đầu tư phát triển các tổ chức khoa học công nghệ, thu hút doanh nghiệp khoa học công nghệ. Tập trung tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhà xưởng, phòng thí nghiệm cho các tổ chức khoa học công nghệ công lập.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Đất nông nghiệp

Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 579.691 ha, thấp hơn 8.032 ha so với phân bổ Quốc gia, trong đó:

- Đất trồng lúa: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 8.235 ha, cao hơn 520 ha so với phân bổ Quốc gia; Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 4.559 ha, cao hơn 288 ha so với phân bổ Quốc gia.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 62.262 ha, cao hơn 12.367 ha so với phân bổ Quốc gia.

- Đất rừng đặc dụng: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 40.698 ha, cao hơn 2.374 ha so với phân bổ Quốc gia.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 170.430 ha, thấp hơn 34.332 ha so với phân bổ Quốc gia; Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 114.683 ha, phù hợp với phân bổ Quốc gia.

2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 70.814 ha, cao hơn 8.032 ha so với phân bổ Quốc gia, trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 6.309 ha, cao hơn 13 ha với phân bổ Quốc gia.

- Đất an ninh: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 1.372 ha, cao hơn 58 ha so với phân bổ Quốc gia.

- Đất khu công nghiệp: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 1.729 ha, cao hơn 1.000 ha so với phân bổ Quốc gia.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 35.514 ha, cao hơn 4.978 ha so với phân bổ Quốc gia.

+ Đất giao thông: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 14.777 ha, cao hơn 4.133 ha với phân bổ Quốc gia.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 98 ha, cao hơn 55 ha so với phân bổ Quốc gia.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 135 ha, phù hợp với phân bổ Quốc gia.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 644 ha, phù hợp với phân bổ Quốc gia.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 268 ha, cao hơn 78 ha so với phân bổ Quốc gia.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 12.900 ha, phù hợp với phân bổ Quốc gia.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 18 ha, phù hợp với phân bổ Quốc gia.

+ Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 3 ha, phù hợp với phân bổ Quốc gia.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 109 ha, cao hơn 01 ha so với phân bổ Quốc gia.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 250 ha, cao hơn 01 ha so với phân bổ Quốc gia.

3. Đất chưa sử dụng: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 422 ha, phù hợp với phân bổ Quốc gia.

4. Đất đô thị: Diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 25.926 ha, phù hợp với phân bổ Quốc gia.

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Toàn tỉnh phân thành 04 vùng (gồm 02 vùng đô thị và 02 vùng liên huyện), đồng thời đây cũng là 4 tiểu vùng kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

a) Vùng huyện Đăk Mil (định hướng lên thị xã năm 2025): Thị xã Đăk Mil gồm toàn bộ đơn vị hành chính huyện Đăk Mil, là hạt nhân của vùng đô thị phía Bắc, phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao gắn với thương mại dịch vụ, kinh tế mậu biên tại cửa khẩu Đăk Peur.

b) Vùng huyện Đăk R'Lấp (định hướng lên thị xã năm 2030): Thị xã Đăk R'Lấp gồm toàn bộ đơn vị hành chính huyện Đăk R'Lấp, là đô thị vệ tinh của thành phố Gia Nghĩa, phát triển theo hướng đô thị công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao và phù hợp với định hướng phát triển vùng đô thị trung tâm của tỉnh.

c) Vùng huyện Cư Jút (định hướng lên thị xã năm 2030): Thị xã Cư Jút gồm toàn bộ đơn vị hành chính huyện Cư Jút, là hạt nhân kết nối phía Bắc của tỉnh, phát triển theo dịch vụ, công nghiệp và du lịch gắn với thành phố Buôn Ma Thuột, đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên.

d) Vùng huyện Tuy Đức: Định hướng phát triển theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo gắn với thương mại dịch vụ, kinh tế mậu biên tại cửa khẩu Bu Prăng.

đ) Vùng huyện Đăk Glong: Định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp khai khoáng, phát triển du lịch nghỉ dưỡng gắn với Khu du lịch tiềm năng quốc gia Tà Đùng.

e) Vùng huyện Đăk Song: Định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp khai khoáng và năng lượng tái tạo.

g) Vùng huyện Krông Nô: Định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, phát triển du lịch sinh thái gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông.

h) Xây dựng phương án phát triển các vùng huyện, ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư theo định hướng, đảm bảo phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Vườn quốc gia Yok Đôn; Khu bảo vệ cảnh quan Dray Sáp-Gia Long; Khu dự trữ thiên nhiên Nâm Nung; Vườn quốc gia Tà Đùng; rừng phòng hộ đầu nguồn; khu dân cư tập trung tại đô thị loại III (thành phố Gia Nghĩa); khu vực sử dụng nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt tại thành phố Gia Nghĩa, các huyện Krông Nô, Cư Jút, Tuy Đức, Đăk Glong, Đăk Song, Đăk R'Lấp, Đăk Mil và Đăk Glong; Di tích lịch sử Đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh; Vùng lõi của di sản thiên nhiên và vùng có các yếu tố, đối tượng nhạy cảm đặc biệt khác cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của: Vườn quốc gia Yok Đôn, Khu bảo vệ cảnh quan Dray Sáp-Gia Long, Khu dự trữ thiên nhiên Nâm Nung, Vườn quốc gia Tà Đùng; Khu vực bảo vệ 2 của Di tích lịch sử Đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; Vùng rừng sản xuất; Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học. Xây dựng Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tại các vườn quốc gia, khu dự trữ, khu bảo tồn. Tích hợp, lồng ghép chương trình bảo tồn đa dạng sinh học vào kế hoạch của tỉnh.

- Tổ chức quản lý hiệu quả 04 khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Vườn Quốc Gia Yok Đôn; Khu dự trữ thiên nhiên Nâm Nung; Vườn quốc gia Tà Đùng; Khu bảo vệ cảnh quan (văn hoá, lịch sử, môi trường) Dray Sáp - Gia Long.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

a) Về bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Nghiên cứu tiến hành điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, không làm ảnh hưởng tới cảnh quan trong các dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đá ốp lát và than bùn đối với các loại khoáng sản sau: đá xây dựng; cát xây dựng; sét gạch ngói; vật liệu san lấp; đá ốp lát; than bùn... khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản, đảm bảo nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng đất sau hoàn thổ, sau khai thác bóc xít phục vụ mục đích phát triển kinh tế xã hội, phát triển theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo quỹ đất để thực hiện các định hướng, nhiệm vụ theo quy hoạch tỉnh.

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương điều chỉnh cục bộ quy hoạch khoáng sản, xử lý triệt để chồng lấn giữa Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 với các quy hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các quy hoạch, công trình, dự án cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh, các phương án phát triển tại Quy hoạch tỉnh Đắk Nông theo đề xuất của tỉnh.

b) Khoanh định các khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh gồm 1.755 khu vực, vị trí với tổng diện tích là 242.064,63 ha và 52 tuyến với tổng chiều dài là 1.640,9 km.

3. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện giải pháp phi công trình: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách; kiện toàn tổ chức, bộ máy tăng cường năng lực quản lý thiên tai. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh. Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cộng đồng. Thực hiện trồng, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn.

Thực hiện giải pháp công trình: Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước. Công trình hồ thủy điện.

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động và sử dụng vốn đầu tư

Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi, cấp thoát nước, các dự án cấp bách về môi trường và kết cấu

hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh. Làm tốt các khâu từ xây dựng quy hoạch chi tiết, xây dựng kế hoạch hiệu quả, khả thi, sát thực tiễn, để các công trình, dự án trọng điểm sớm phát huy hiệu quả. Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của Trung ương nhằm đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển.

Huy động tổng lực các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, xem đây là một giải pháp đột phá để hiện thực hóa Quy hoạch tỉnh. Thực hiện chiến lược thu hút đầu tư toàn diện, ban hành danh mục các nhóm dự án ưu tiên, chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện chính sách để đẩy mạnh huy động vốn từ các tập đoàn kinh tế lớn, vốn FDI; thực hiện cơ chế công tư kết hợp (PPP); thu hút vốn ODA từ các tổ chức tài chính quốc tế. Huy động nguồn vốn đầu tư từ khu vực dân cư; khai thác hiệu quả các nguồn lực từ quỹ đất; Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tập trung phát triển nguồn nhân lực để phục vụ phát triển các ngành trọng điểm của địa phương về công nghiệp bô xít - alumin - nhôm, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch và nguồn nhân lực ngành y tế. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa về trình độ, kỹ năng, thái độ phục vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức; đội ngũ công nhân lành nghề có tác phong công nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đầu tư tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

Tăng cường liên kết đào tạo, hợp tác đào tạo với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước; liên kết với các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo theo yêu cầu của thị trường. Thực hiện lộ trình tự chủ đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, thu hút đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề. Ưu tiên các nguồn lực đào tạo cho lao động đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về môi trường, đầu tư các công trình bảo vệ và xử lý ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Tổ chức bảo vệ môi trường tại các vùng theo phương án phân vùng bảo vệ môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản, chống thoái hóa, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước, bảo vệ diện tích rừng; quản lý chặt chẽ các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải.

Đẩy mạnh triển khai các định hướng nhiệm vụ KH-CN cấp quốc gia, cấp tỉnh và nâng cao năng lực ứng dụng KH-CN. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; Tập trung xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan

trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Phối hợp với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên để xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi trong thu hút đầu tư, trong hợp tác phát triển du lịch, trong xây dựng vùng nguyên liệu nông sản... để phát huy lợi thế so sánh của mỗi địa phương trong vùng, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các tỉnh trong vùng Tây Nguyên. Xây dựng cơ chế phối hợp với các tỉnh trong Vùng Đông Nam Bộ để liên kết sản xuất theo hướng Đắc Nông phát triển công nghiệp vệ tinh khi tuyến cao tốc kết nối Đắc Nông - Bình Phước được vận hành. Xây dựng cơ chế phối hợp với các địa phương khu vực Duyên hải Miền Trung để xây dựng chuỗi sản phẩm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng biển-núi...; thúc đẩy liên kết giao thương trên trục hành lang Đông Tây, thông qua hai cửa khẩu Bu Prăng và Đắc Peur với Vương quốc Campuchia.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, số hóa hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại theo hướng tích hợp để thuận lợi trong quản lý đất đai. Công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống đô thị thông minh. Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, khu đô thị mới; hạn chế quá trình phát triển đô thị theo vết dầu loang, đặc biệt là các trục giao thông mới. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng cường xã hội hóa đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng. Tổ chức thực hiện tốt việc định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện. Quản lý tốt các hồ, đập phục vụ công tác điều tiết nước và bảo đảm môi trường sinh thái.

6. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch; bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh. Lồng ghép các nội dung vào các kế hoạch 5 năm, hằng năm, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để triển khai thực hiện quy hoạch.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ và công khai, minh bạch. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Nông chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tỉnh Đắc Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch được duyệt.

2. Thường trực HĐND, các Ban hội đồng nhân dân, các Tổ chức đại biểu HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp chuyên đề thứ 8, thông qua ngày 24 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH